

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-UBND ngày 26/6/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 của các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ theo Phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Trang TTĐT Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (N, 02).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đào Xuân Kỳ

Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa

Chương: 417

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCN ngày /7/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm Chuyên đổi số	Trung tâm Thông tin và UDKH-CN	Trung tâm Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0	0	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	25.200.000	25.200.000	25.200.000	0	0	0
1	Chi quản lý nhà nước	25.200.000	25.200.000	25.200.000	0	0	0
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	0
1.2	KP cải cách tiền lương	0	0	0	0	0	0
1.3	KP không thực hiện chế độ tự chủ	25.200.000	25.200.000	25.200.000	0	0	0
-	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KTXH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	20.000.000	20.000.000	20.000.000	0	0	0
-	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	5.200.000	5.200.000	5.200.000			
2	...		0	0	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	0